TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/01/2023, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2008, bà và ông Trần Minh Đ kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà T và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà T không thể đoàn tụ gia đình với ông Đ, nay

bà cương quyết ly hôn với ông Đ và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trần Minh Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên Trần Khánh T (giới tính nữ), sinh ngày 28/02/2010, hiện tại đang sống chung với bà T. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và việc đi lại gặp nhiều khó khăn để giải quyết việc ly hôn nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu không hòa giải và xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Ông Trần Minh Đ đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Minh Đ; Về con chung: Có một người con chung tên Trần Khánh T (giới tính nữ), sinh ngày 28/02/2010, hiện tại con chung đang do bà T nuôi dưỡng, mặt khác Trần Khánh T có nguyện vọng chung sống cùng bà T nên chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp, ông Đ không có ý kiến gì với yêu cầu của bà T nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Trần Minh Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông Đ không cung cấp chứng cứ gì, ông Đ vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2008, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Minh Đ chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Nguyễn Thị T xác định không còn tình cảm dành cho ông Đ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bà T cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Minh Đ không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Minh Đ đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông Đ không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà T, ông Đ không có ý kiến gì. Xét cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Minh Đ là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Trần Khánh T (giới tính nữ), sinh ngày 28/02/2010, hiện tại Trần Khánh T đang do bà T nuôi dưỡng, mặt khác Trần Khánh T có nguyện vọng chung sống cùng bà T, ông Đ không có ý kiến nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao Trần Khánh T (giới tính nữ), sinh ngày 28/02/2010 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018546 ngày 30/01/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Minh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã R,
huện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng